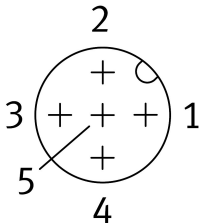


# Chuẩn truyền thông CTEU-CC

Số bộ phận: 1544198

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                              | Giá trị                                                                                                                                                      |
|---------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Giao thức                             | CC-Link                                                                                                                                                      |
| Kích thước B x L x H                  | 40 mm x 91 mm x 50 mm                                                                                                                                        |
| Kích thước lưới                       | 40 mm                                                                                                                                                        |
| Kiểu gắn                              | trên giao thức điện<br>trên tấm kết nối điện                                                                                                                 |
| trọng lượng sản phẩm                  | 90 g                                                                                                                                                         |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh        | -5 °C...50 °C                                                                                                                                                |
| Nhiệt độ bảo quản                     | -20 °C...70 °C                                                                                                                                               |
| Mức độ bảo vệ                         | IP65<br>IP67                                                                                                                                                 |
| Lưu ý về mức độ bảo vệ                | ở trạng thái lắp<br>cổng nối không sử dụng đã đóng                                                                                                           |
| Lớp chống ăn mòn KBK                  | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                                                                                                       |
| Tuân thủ LABS                         | VDMA24364 Vùng III                                                                                                                                           |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)   | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU                                                                                                          |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp) | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS                                                                                                        |
| Dấu hiệu KC                           | KC-EMV                                                                                                                                                       |
| Giấy phép                             | Dấu RCM<br>c UL us - Listed (OL)                                                                                                                             |
| Ghi chú vật liệu                      | Tuân thủ RoHS                                                                                                                                                |
| Vật liệu vỏ                           | PA                                                                                                                                                           |
| Màn hình LED cụ thể theo sản phẩm     | PS: Điện áp hoạt động cho nguồn cấp điện và nguồn cung cấp tải<br>X1: Mô-đun trạng thái hệ thống tại cổng I 1<br>X2: Mô-đun trạng thái hệ thống tại cổng I 2 |
| Màn hình LED dành riêng cho bus       | Lỗi: Lỗi truyền dữ liệu<br>Run: Bus hoạt động                                                                                                                |
| Chẩn đoán                             | Lỗi giao tiếp<br>Chẩn đoán hệ thống<br>Điện áp thấp                                                                                                          |
| Các yếu tố vận hành                   | Công tắc DIL                                                                                                                                                 |

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                                                         |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chỉ dẫn về giao diện fieldbus                              | Kiểu mở (Đầu nối vít, 5 chân, loại bảo vệ IP20)<br>công nghệ kết nối tùy chọn với các phụ kiện: |
| Giao diện fieldbus, kiểu                                   | Giao diện nối tiếp                                                                              |
| Giao diện fieldbus, giao thức                              | CC-LINK®                                                                                        |
| Giao diện Fieldbus, loại kết nối                           | Ổ cắm                                                                                           |
| Giao diện fieldbus, công nghệ kết nối                      | Sub-D                                                                                           |
| Giao diện Fieldbus, số lượng chân / dây                    | 9                                                                                               |
| Giao diện Fieldbus, cách ly điện                           | có                                                                                              |
| Giao diện Fieldbus, tốc độ truyền                          | 156 - 10000 kbit/s                                                                              |
| Đầu vào khối lượng địa chỉ tối đa                          | 16 byte                                                                                         |
| Khối lượng địa chỉ tối đa Đầu ra                           | 16 byte                                                                                         |
| Tham số hóa                                                | Bật chẩn đoán<br>Phản hồi an toàn và phản hồi chạy rà                                           |
| Thời gian chu kỳ nội bộ                                    | 1 ms mỗi 1 byte dữ liệu                                                                         |
| Chức năng bổ sung                                          | Trạng thái hệ thống có thể được minh họa thông qua dữ liệu quy trình                            |
| Bộ nguồn, chức năng                                        | Điện tử và tải                                                                                  |
| Nguồn điện, kiểu kết nối                                   | Phích cắm                                                                                       |
| Cung cấp điện, công nghệ kết nối                           | M12x1, được mã hóa A theo EN 61076-2-101                                                        |
| Cung cấp điện áp, số cực / dây                             | 5                                                                                               |
| Dải điện áp hoạt động DC                                   | 18 V...30 V                                                                                     |
| Điện áp hoạt động danh định DC                             | 24 V                                                                                            |
| Nguồn cung cấp dòng tối đa                                 | 4 A                                                                                             |
| Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức | Loại. 70 mA                                                                                     |